

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 05/2018/DS-ST
Ngày: 15/01/2018
V/v Tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hùng
2. Ông Mai Minh Chánh

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truyen – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2017 về việc Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2017/QĐST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1975 nơi cư trú: Tổ 4, ấp T5, xã VP, huyện GT, Kiên Giang. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1952 nơi cư trú: Tổ 4, ấp T5, xã VP, huyện GT, Kiên Giang đại diện theo giấy ủy quyền lập ngày 15/02/2017(có mặt)

2.Bị đơn:

2.1.Ông Nguyễn Văn Ngh, sinh năm 1963(chết)

2.2.Bà Mai Thị L, sinh năm 1963(có mặt)

Cùng cư trú tại: Tổ 21, ấp M, xã MP, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngh:

2.11. Bà Mai Thị L, sinh năm 1963

2.1.2. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1983 (vắng mặt)

2.1.3. Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1983(vắng mặt)

2.1.4.Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1984(vắng mặt)

2.1.5.Anh Nguyễn Văn K, sinh 1 năm 1985(vắng mặt)

2.1.6.Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988(vắng mặt)

2.1.7.Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1991(có mặt)

Cùng cư trú tại: Tổ 21, ấp M, xã MP, huyện CP, tỉnh An Giang.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1952
nơi cư trú: Tổ 4, ấp T5, xã VP, huyện GT, Kiên Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2016 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P và lời khai người đại diện bà Phạm Thị N trình bày: Ông Nguyễn Văn Ngh và bà Mai Thị L có mua vật tư nông nghiệp của ông P tính đến ngày 27/12/2015â, ông Ngh bà L còn nợ 138.703.000 đồng, có thỏa thuận lãi 3%/tháng. Ông P nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông Ngh bà L không thực hiện. Nay ông P yêu cầu ông Ngh bà L có nghĩa vụ trả vốn 138.703.000 đồng, tiền lãi đến ngày 20/09/2016 â 36.478.000 đồng và tính lãi đến khi xét xử theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Mai Thị L trình bày: Bà và ông Ngh (chồng bà) có mua vật tư nông nghiệp của đại lý HP ba vụ lúa. Số tiền mua từng vụ bà không nhớ chính xác, vụ lúa đầu tiên bà trả đủ, còn vụ thứ hai và thứ ba nợ số tiền 138.703.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Vụ thứ ba, bà đem trả 20.000.000 đồng nhưng bà N tính tiền lãi 15.000.000 đồng, chỉ còn trả vốn 5.000.000 đồng. Khi mua bán không có nói tính lãi nhưng khi trả tiền bà N tính lãi 3%/tháng. Ông Ngh đã chết, bà đồng ý trả vốn, xin bỏ lãi, xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn Ph trình bày: Anh đồng ý cùng bà L (mẹ anh) trả tiền mua bán vật tư nông nghiệp ông P nhưng xin trả dần như ý kiến bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã vi phạm thời hạn giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng những quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L và các đồng thừa kế của ông Ngh liên đới trả tiền vật tư nông nghiệp 138.703.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Bà L và các đồng thừa kế của ông Ngh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thủ tục tố tụng:

Chị Y, anh Tr, chị L1, anh K, chị T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Ngh đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng không có mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Y, anh Tr, chị L1, anh K, chị Thoa theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung giải quyết vụ án:

Ông Ngh bà L có mua vật tư nông nghiệp của ông Nguyễn Văn P (đại diện hộ kinh doanh cá thể) 03 vụ lúa, ông Ngh bà L còn nợ tiền hai vụ đông xuân và hè thu năm 2015. Bà L thừa nhận còn nợ 138.703.000 đồng, bà và ông Ngh có ký nhận nợ theo hai biên nhận ông P 2cung cấp nhưng cho rằng có trả lãi cho

bà N (mẹ ông P) 15.000.000 đồng tiền lãi. Bà N không thừa nhận có nhận lãi 15.000.000 đồng, từ khi ông Ngh bà L mua vật tư nông nghiệp chỉ trả vốn. Như vậy, các bên thống nhất ông Ngh bà L còn nợ ông P tiền mua bán vật tư nông nghiệp 138.703.000 đồng. Về tiền lãi, bà L không thừa nhận có thỏa thuận nhưng các biên nhận có thể hiện tiền lãi 3%/tháng. Do đó, ông P khởi kiện yêu cầu ông Ngh bà L trả vốn 138.703.000 đồng và lãi là có căn cứ. Tuy nhiên, với lãi suất thỏa thuận 3%/tháng là cao, cần điều chỉnh lại lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 với mức lãi 9%/năm từ ngày làm biên nhận 27/12/2015 (05/02/2016) đến khi xét xử là: $138.703.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 11 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 24.273.000 \text{ đồng}$. Như vậy, ông Ngh bà Liên có nghĩa vụ trả vốn và lãi cho ông Phúc tổng cộng $138.703.000 + 24.273.000 \text{ đồng} = 162.976.000 \text{ đồng}$.

Ông Ngh chết năm 2017, người thừa kế tài sản của ông Ngh có vợ bà L và 06 người con: Y, Tr, L1, K, Th, Ph. Ông Ngh bà L có tài sản chung căn nhà và 4.564m^2 đất được định giá 379.700.000 đồng, tài sản của ông Ngh để lại lớn hơn nghĩa vụ ông Ngh phải thanh toán. Do đó, buộc bà L cùng các đồng thừa kế của ông Ngh có nghĩa vụ liên đới trả tiền vật tư nông nghiệp cho ông P 162.976.000 đồng. Bà L xin trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn không được người đại diện của ông P đồng ý sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng:

Bà L, chị Y, anh Tr, chị L1, anh K, chị Th, anh Ph cùng phải chịu 8.148.000 án phí dân sự sơ thẩm.

Ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà L, chị Y, anh Tr, chị L1, anh K, chị Th, anh Ph cùng phải chịu 900.000 đồng tiền định giá tài sản. Ông Phúc đã nộp tiền này nên bà L, chị Y, anh Tr, chị L1, anh K, chị Th, anh Ph có nghĩa vụ hoàn lại cho anh P 900.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P.

Buộc bà Mai Thị L cùng với chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Văn Tr, chị Nguyễn Thị L1, anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn P tiền mua bán vật tư nông nghiệp 138.703.000 đồng và lãi 24.273.000 đồng, tổng cộng 162.976.000 (Một trăm sáu mươi hai triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 458 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền vốn tương ứng thời gian chậm thi hành án.

Bà L, chị Y, anh Tr, chị L1, anh 3K, chị Th, anh Ph cùng phải chịu

8.148.000 (tám triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP có trách nhiệm hoàn lại cho ông P tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.465.000 (Ba triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0013377 ngày 15/02/2017.

Bà L, chị Y, anh Tr, chị L1, anh K, chị Th, anh Ph cùng phải chịu 900.000 đồng tiền định giá tài sản. Bà L, chị Y, anh Tr, chị L1, anh K, chị Th, anh Ph có nghĩa vụ hoàn lại cho anh P 900.000 đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

* Nơi gửi:

- TAND tỉnh An Giang.
- VKS H. Châu Phú.
- THA H. Châu phú
- Các đương sự.
- Lưu HS + VP.

Trần Thế Văn